

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 137/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, quản lý hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương, quản lý người tham gia bán hàng đa cấp, hoạt động bán hàng đa cấp, ký quỹ và trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Doanh nghiệp bán hàng đa cấp.
- Người tham gia bán hàng đa cấp.
- Đầu mối tại địa phương.
- Đào tạo viên.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Kinh doanh theo phương thức đa cấp là hoạt động kinh doanh sử dụng mạng lưới người tham gia gồm nhiều cấp, nhiều nhánh, trong đó, người tham gia được hưởng hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác từ kết quả kinh doanh của mình và của những người khác trong mạng lưới.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp là doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp để tổ chức hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp theo quy định của Nghị định này.

3. Người tham gia bán hàng đa cấp là cá nhân giao kết hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

4. Nhà phân phối cấp cao là những người tham gia bán hàng đa cấp ở ba cấp bậc, vị trí, danh hiệu cao nhất trong mạng lưới người tham gia bán hàng đa cấp của doanh nghiệp tại Việt Nam ở một thời điểm nhất định hoặc người tham gia bán hàng đa cấp được hưởng hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác từ 01 tỷ đồng trở lên trong một năm tài chính liền trước.

5. Đào tạo viên là người được doanh nghiệp bán hàng đa cấp chỉ định để thực hiện đào tạo cơ bản cho người tham gia bán hàng đa cấp của doanh nghiệp mình. Đào tạo viên phải đáp ứng quy định tại Điều 34 Nghị định này.

6. Đầu mối tại địa phương là cá nhân được doanh nghiệp bán hàng đa cấp giao quyền để làm việc, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp tại địa phương theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước trong trường hợp doanh nghiệp bán hàng đa cấp không có chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh tại địa phương. Đầu mối tại địa phương phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này.

7. Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp là thỏa thuận bằng văn bản về việc tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp giữa cá nhân và doanh nghiệp bán hàng đa cấp. Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không phải là hợp đồng lao động.

8. Quy tắc hoạt động là bộ quy tắc của doanh nghiệp bán hàng đa cấp điều chỉnh hành vi của người tham gia bán hàng đa cấp, quy trình và thủ tục thực hiện các hoạt động bán hàng đa cấp.

9. Kế hoạch trả thưởng là kế hoạch được doanh nghiệp bán hàng đa cấp sử dụng để tính hoa hồng, tiền thưởng và các lợi ích kinh tế khác mà người tham gia bán hàng đa cấp được hưởng từ kết quả của hoạt động bán hàng của mình và của những người khác trong mạng lưới.

10. Vị trí kinh doanh đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp là vị trí, mã số của người tham gia bán hàng đa cấp được sắp xếp trong mạng lưới để tính hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác chi trả cho người tham gia bán hàng đa cấp.

11. Hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp là hoạt động có nội dung giới thiệu, vinh danh, thông tin, hướng dẫn, đào tạo, chia sẻ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp.

Điều 4. Đối tượng kinh doanh theo phương thức đa cấp

1. Hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp chỉ được thực hiện đối với hàng hóa. Mọi hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp với đối tượng không phải là hàng hóa đều bị cấm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp không thuộc một trong các loại sau đây:

a) Hàng hóa là thuốc; thiết bị y tế; các loại thuốc thú y (bao gồm cả thuốc thú y thủy sản); thuốc bảo vệ thực vật; hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn hạn chế sử dụng và cấm sử dụng trong lĩnh vực gia dụng và y tế và các loại hóa chất nguy hiểm;

b) Sản phẩm nội dung số.

Điều 5. Phát triển mạng lưới bán hàng đa cấp không dựa trên giao dịch mua bán hàng hóa

Phát triển mạng lưới bán hàng đa cấp không dựa trên giao dịch mua bán hàng hóa quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 10 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng bao gồm các hình thức sau:

1. Cho người tham gia bán hàng đa cấp nhận tiền hoặc lợi ích kinh tế khác từ việc giới thiệu người khác tham gia vào hoạt động bán hàng đa cấp mà không phải từ việc mua, bán hàng hóa của người được giới thiệu đó.

2. Duy trì nhiều hơn một hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, vị trí kinh doanh đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với cùng một người tham gia bán hàng đa cấp.

3. Thực hiện khuyến mại sử dụng mạng lưới gồm nhiều cấp, nhiều nhánh mà trong đó người tham gia chương trình khuyến mại có nhiều hơn một vị trí, mã số hoặc các hình thức tương đương khác.

4. Tổ chức các hoạt động trung gian thương mại theo quy định của pháp luật thương mại nhằm phục vụ cho việc duy trì, mở rộng và phát triển mạng lưới bán hàng đa cấp.

5. Mua bán hoặc chuyển giao mạng lưới người tham gia bán hàng đa cấp cho doanh nghiệp khác, trừ trường hợp mua lại, hợp nhất hoặc sáp nhập doanh nghiệp.

Điều 6. Phương thức thực hiện thủ tục hành chính

1. Thủ tục hành chính tại Nghị định này có thể được nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

2. Đối với các tài liệu trong các thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này có quy định hình thức là bản sao được chứng thực, doanh nghiệp có thể nộp bản sao và xuất trình bản gốc để đối chiếu tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

3. Đối với hồ sơ nộp qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia, doanh nghiệp sử dụng chữ ký điện tử để xác nhận trên các tài liệu trong thành phần hồ sơ. Kết quả của thủ tục được trả trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

4. Doanh nghiệp được dùng thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

5. Người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính phải có thông báo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức theo thời hạn được quy định tại Nghị định này kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ. Việc thông báo được thực hiện bằng một hoặc nhiều phương thức: gửi đến tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; gửi tin nhắn hoặc liên hệ qua số điện thoại, hộp thư điện tử do cá nhân, tổ chức cung cấp; đồng thời hướng dẫn cá nhân, tổ chức liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cập nhật, điều chỉnh dữ liệu;

b) Trường hợp hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức trong thời hạn được quy định tại Nghị định này; thực hiện việc số hóa phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời hướng dẫn cá nhân, tổ chức liên hệ với cơ quan có thẩm quyền cập nhật, điều chỉnh dữ liệu.

Chương II **ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP**

Điều 7. Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

Hoạt động bán hàng đa cấp phải được đăng ký theo quy định của Nghị định này.

Điều 8. Điều kiện đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

1. Tổ chức đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và chưa từng bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp;

b) Thành viên đối với công ty hợp danh, chủ sở hữu đối với doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có từ hai thành viên trở lên, cổ đông đối với công ty cổ phần, người đại diện theo pháp luật, người quản lý doanh nghiệp chưa từng giữ một trong các vai trò nêu trên tại doanh nghiệp bán hàng đa cấp đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp;

c) Ký quỹ tại một ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định này;

d) Có mẫu hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, quy tắc hoạt động, kế hoạch trả thưởng, chương trình đào tạo cơ bản rõ ràng, minh bạch và phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

đ) Có hệ thống công nghệ thông tin quản lý mạng lưới người tham gia bán hàng đa cấp, trang thông tin điện tử để cung cấp thông tin về doanh nghiệp và hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp;

e) Trong trường hợp tổ chức đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp là doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là chủ sở hữu hoặc thành viên hoặc cổ đông, tất cả các nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đó phải có thời gian hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trong thực tế tối thiểu là 03 năm liên tục ở một nước, vùng lãnh thổ trên thế giới.

2. Doanh nghiệp đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Điều 10 Nghị định này và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ.

Điều 9. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp có hiệu lực trong thời gian 05 năm kể từ ngày cấp.

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp được lập thành 02 bản chính, 01 bản giao cho doanh nghiệp đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp và 01 bản lưu tại Bộ Công Thương, trừ trường hợp hồ sơ được giải quyết qua Công Dịch vụ công Quốc gia.

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bao gồm các nội dung sau: Tên doanh nghiệp; thông tin giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có): Mã số doanh nghiệp, nơi cấp, ngày cấp lần đầu, ngày thay đổi lần gần nhất; địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax (nếu có), website, email; thông tin người đại diện theo pháp luật: họ tên, quốc tịch, thông tin thẻ căn cước/căn cước công dân hoặc hộ chiếu, chức vụ, nơi ở hiện tại.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bao gồm các tài liệu sau đây (có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp):

1. 01 đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. 01 bản Điều lệ doanh nghiệp.

3. 01 bản danh sách những chủ thể nêu tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này, bao gồm thông tin định danh cá nhân (Căn cước công dân hoặc Thẻ Căn cước, Giấy chứng nhận căn cước), thông tin hộ chiếu đối với cá nhân có quốc tịch nước ngoài, thông tin số và ngày đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp là doanh nghiệp kèm theo bản sao hộ chiếu và giấy tờ cư trú hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam; bản sao hộ chiếu đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam; bản sao giấy tờ pháp lý về việc thành lập tổ chức trong trường hợp là tổ chức nước ngoài.

4. 01 bộ tài liệu liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp, bao gồm:

- a) Mẫu hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp;
- b) Kế hoạch trả thưởng;
- c) Chương trình đào tạo cơ bản;
- d) Quy tắc hoạt động.

5. 01 bản danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp của doanh nghiệp, bao gồm các thông tin: Tên, chủng loại, xuất xứ, quy cách đóng gói, giá bán và số điểm thưởng quy đổi tương ứng với giá bán, thời điểm áp dụng.

6. 01 bản sao văn bản xác nhận ký quỹ.

7. 01 tài liệu giải trình kỹ thuật về hệ thống công nghệ thông tin quản lý mạng lưới người tham gia bán hàng đa cấp đáp ứng quy định tại Điều 44 Nghị định này, trong đó phải bao gồm các thông tin cơ bản sau:

- a) Địa chỉ IP máy chủ và địa điểm đặt máy chủ vật lý;
- b) Cơ chế vận hành của hệ thống, bao gồm thông tin mô tả cấu trúc hệ thống, cơ chế nhập, xuất và lưu trữ dữ liệu, cách thức quản trị dữ liệu;
- c) Các thông tin tại Điều 44 Nghị định này.

8. Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có trang thông tin điện tử đáp ứng quy định tại Điều 45 Nghị định này.

9. Tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm e khoản 1 Điều 8 Nghị định này, trong trường hợp doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là chủ sở hữu hoặc thành viên hoặc cổ đông.

10. Giấy phép kinh doanh có nội dung cấp phép thực hiện quyền phân phối bán lẻ, bao gồm hoạt động bán lẻ theo phương thức đa cấp, trong trường hợp doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là chủ sở hữu hoặc thành viên hoặc cổ đông.

Điều 11. Trình tự, thủ tục cấp, sửa đổi bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

1. Tiếp nhận hồ sơ

a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 10 Nghị định này (kèm theo bản điện tử định dạng ".doc" hoặc ".docx" đối với giấy tờ quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định này và định dạng ".xls" hoặc ".xlsx" đối với tài liệu quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định này) tới Bộ Công Thương;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Công Thương có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản để doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ;

c) Trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Công Thương ban hành thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ, Bộ Công Thương trả lại hồ sơ cho doanh nghiệp.

2. Thẩm định hồ sơ

a) Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Công Thương thông báo cho doanh nghiệp nộp phí thẩm định cấp, sửa đổi bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp. Bộ Công Thương trả lại hồ sơ nếu doanh nghiệp không nộp phí thẩm định trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ban hành thông báo;

b) Bộ Công Thương thẩm định hồ sơ trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phí thẩm định;

c) Nội dung thẩm định: Thẩm định nội dung các tài liệu trong hồ sơ, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Trường hợp hồ sơ có liên quan đến văn bản xác nhận ký quỹ, Bộ Công Thương gửi xác nhận bằng văn bản với ngân hàng nơi doanh nghiệp ký quỹ về tính xác thực của văn bản xác nhận ký quỹ. Ngân hàng có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Công Thương.

d) Trường hợp hồ sơ của doanh nghiệp chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định này, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Doanh nghiệp được nộp bổ sung hồ sơ 01 lần trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Công Thương ban hành thông báo.

Thời hạn thẩm định hồ sơ sửa đổi, bổ sung là 10 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Công Thương nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung.

3. Trả lại hồ sơ

a) Trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đúng thời hạn quy định tại điểm d khoản 2 Điều này hoặc hồ sơ của doanh nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Nghị định này sau khi đã sửa đổi, bổ sung hoặc không nhận được xác nhận của ngân hàng theo đúng thời hạn yêu cầu, Bộ Công Thương thông báo trả lại hồ sơ cho doanh nghiệp bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do trả lại hồ sơ;

b) Trường hợp doanh nghiệp rút hồ sơ trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, Bộ Công Thương trả lại hồ sơ cho doanh nghiệp.

4. Cấp, sửa đổi bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

Trường hợp hồ sơ của doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Nghị định này, Bộ Công Thương cấp, sửa đổi bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo Mẫu số 02, Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này và giao lại cho doanh nghiệp 01 bản các tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định này có đóng dấu treo hoặc dấu giáp lai của Bộ Công Thương.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp, sửa đổi bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, Bộ Công Thương có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, thông báo cho ngân hàng nơi doanh nghiệp ký quỹ và cung cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp kèm theo bản sao các tài liệu quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 10 Nghị định này cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên toàn quốc bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi qua dịch vụ bưu chính;

b) Thư điện tử;

c) Hệ thống công nghệ thông tin quản lý bán hàng đa cấp của Bộ Công Thương.

6. Đối với hồ sơ nộp qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia, doanh nghiệp sử dụng chữ ký điện tử để xác nhận trên các tài liệu trong thành phần hồ sơ. Kết quả của thủ tục được trả trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thực hiện thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp có thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp, thông tin liên quan đến việc ký quỹ, doanh nghiệp thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi được cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc ngân hàng xác nhận;

b) Trường hợp có thay đổi liên quan đến khoản 4, khoản 7 và khoản 8 Điều 10 Nghị định này, doanh nghiệp thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trước khi áp dụng.

2. Trong trường hợp có thay đổi thông tin tại danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp, doanh nghiệp có trách nhiệm công bố công khai trên trang thông tin điện tử trước khi áp dụng và chịu trách nhiệm về nội dung công bố.

Điều 13. Hồ sơ, trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

1. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bao gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các thông tin, tài liệu quy định tại Điều 10 Nghị định này liên quan đến những nội dung sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

2. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

3. Doanh nghiệp đăng tải công khai việc thay đổi thông tin danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày áp dụng, bao gồm các tài liệu sau:

- a) Thông báo thay đổi thông tin danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp trong đó nêu rõ các nội dung thay đổi và thời điểm áp dụng;
- b) Danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp đã thay đổi;
- c) Phiếu công bố sản phẩm hoặc các tài liệu có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

1. Trong trường hợp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm nộp đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này tới Bộ Công Thương.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hợp lệ, Bộ Công Thương cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp cho doanh nghiệp.

Điều 15. Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp được gia hạn nhiều lần, mỗi lần có thời hạn 05 năm.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp được gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trong trường hợp đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định này.

3. Trước khi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hết hiệu lực ít nhất 03 tháng, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thực hiện thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

4. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các thông tin, tài liệu quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 và khoản 10 Điều 10 Nghị định này.

5. Trình tự, thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

Trường hợp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hết hạn hiệu lực trong thời gian đang giải quyết hồ sơ, Bộ Công Thương thông báo trả hồ sơ cho doanh nghiệp, không thực hiện gia hạn khi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp đã hết hiệu lực.

Điều 16. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

1. Bộ Công Thương thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trong những trường hợp sau đây:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bị thu hồi hoặc doanh nghiệp giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

b) Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp có thông tin gian dối;

c) Doanh nghiệp bị xử phạt về một trong các hành vi vi phạm quy định tại điểm b, d, e, g khoản 1; điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 10 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; khoản 14 Điều 40; Điều 46; khoản 3 Điều 47 Nghị định này trong quá trình tổ chức hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật;

d) Doanh nghiệp không khắc phục kịp thời theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp để đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định này trong quá trình hoạt động bán hàng đa cấp.

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hết hiệu lực kể từ ngày quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp có hiệu lực pháp luật.

3. Trình tự, thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp:

a) Bộ Công Thương ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp có hiệu lực, Bộ Công Thương có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên toàn quốc theo một trong các phương thức quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định này và công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

Điều 17. Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp

1. Các trường hợp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp:

- a) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hết hiệu lực mà không được gia hạn theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;
- b) Doanh nghiệp tự chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp;
- c) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi.

2. Khi chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm sau đây:

- a) Thông báo bằng văn bản tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, công bố trên trang chủ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp;
- b) Chấm dứt, thanh lý hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp và giải quyết quyền lợi của người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;
- c) Hoàn thành các nghĩa vụ theo quyết định xử phạt hành vi vi phạm về hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Điều 18. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp

1. Trường hợp doanh nghiệp tự chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp:

a) Hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp bao gồm: Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp:

Doanh nghiệp nộp hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành thông báo sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Thời hạn sửa đổi, bổ sung là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

Trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đúng thời hạn hoặc hồ sơ của doanh nghiệp không đáp ứng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo trả lại hồ sơ cho doanh nghiệp bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do trả lại hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp, thông báo cho Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên toàn quốc theo một trong các phương thức quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định này và công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp nhận được phản ánh của tổ chức, cá nhân về việc doanh nghiệp bán hàng đa cấp chưa hoàn thành các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho doanh nghiệp giải quyết, thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ và Bộ Công Thương.

2. Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp do giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hết hiệu lực hoặc bị thu hồi:

a) Hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp bao gồm: Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hết hiệu lực hoặc bị thu hồi, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành thông báo sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Thời hạn sửa đổi, bổ sung là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

Trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đúng thời hạn hoặc hồ sơ của doanh nghiệp không đáp ứng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo trả lại hồ sơ cho doanh nghiệp bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do trả lại hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp, thông báo cho Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên toàn quốc theo một trong các phương thức quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định này và công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp nhận được phản ánh của tổ chức, cá nhân về việc doanh nghiệp bán hàng đa cấp chưa hoàn thành các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho doanh nghiệp giải quyết, thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ và Bộ Công Thương.

Chương III

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Điều 19. Hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

Doanh nghiệp bán hàng đa cấp được coi là có hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Doanh nghiệp có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh có thực hiện chức năng liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.
2. Doanh nghiệp tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp tại địa phương.
3. Doanh nghiệp có người tham gia bán hàng đa cấp có nơi ở hiện tại hoặc thực hiện hoạt động tiếp thị, bán hàng theo phương thức đa cấp tại địa phương.

Điều 20. Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chỉ được phép tổ chức hoạt động bán hàng đa cấp sau khi có xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đó.
2. Trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm chỉ định một cá nhân làm đầu mối làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương đó. Đầu mối tại địa phương của doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Có nơi ở hiện tại tại địa phương;
 - b) Không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định này;
 - c) Có kết quả kiểm tra kiến thức đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 39 Nghị định này;
 - d) Được doanh nghiệp giao quyền để làm việc, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp tại địa phương theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh theo phương thức đa cấp.

3. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm lưu trữ, xuất trình hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Điều 21. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

1. Hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương bao gồm:

a) Đơn đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương, doanh nghiệp cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến đầu mối tại địa phương, bao gồm: thông tin định danh cá nhân hoặc thông tin kèm theo bản sao hộ chiếu trong trường hợp là người nước ngoài; thông tin về lý lịch tư pháp; tài liệu chứng minh có kết quả kiểm tra kiến thức đạt yêu cầu; 01 văn bản chỉ định quy định rõ phạm vi công việc, quyền và nghĩa vụ của các bên.

2. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoạt động (nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia).

3. Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành thông báo. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lại hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn nêu trên.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cho doanh nghiệp văn bản xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 09 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối xác nhận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và gửi bản sao văn bản xác nhận tới Bộ Công Thương bằng một trong các cách thức quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định này.

Điều 22. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

1. Trong quá trình hoạt động bán hàng đa cấp tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi có một trong các thay đổi liên quan đến doanh nghiệp tại địa phương đó:

- a) Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;
- b) Đầu mối tại địa phương.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp có trách nhiệm gửi đăng ký sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 10 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này và tài liệu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định này có liên quan đến nội dung sửa đổi, bổ sung tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản để doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung. Doanh nghiệp được bổ sung hồ sơ 01 lần trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành thông báo. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lại hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn nêu trên.

4. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cho doanh nghiệp văn bản xác nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối xác nhận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thông báo tới Bộ Công Thương trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản xác nhận bằng một trong các phương thức quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định này về việc xác nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương của doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

Điều 23. Thu hồi xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trong trường hợp:

- a) Hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương có thông tin gian dối;

b) Doanh nghiệp không triển khai hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trong thời hạn 12 tháng liên tục;

c) Không tuân thủ các trách nhiệm quy định tại khoản 11 Điều 40 Nghị định này;

d) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc hết hiệu lực mà không được gia hạn;

đ) Doanh nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 20 Nghị định này hoặc không duy trì hoạt động thường xuyên của hiện diện tại địa phương như đã đăng ký.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thông báo tới Bộ Công Thương theo một trong các phương thức quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định này.

3. Xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hết hiệu lực kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực pháp luật.

4. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực pháp luật, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không cấp lại xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương cho doanh nghiệp bán hàng đa cấp trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và 12 tháng đối với các trường hợp quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 24. Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

1. Các trường hợp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương:

a) Doanh nghiệp bị thu hồi xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương;

b) Doanh nghiệp tự chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.

2. Khi chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm sau đây:

a) Niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương (nếu có) và công bố trên trang chủ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp trong thời hạn 05 ngày làm

việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương; thông báo bằng văn bản tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại địa phương nơi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động;

b) Chấm dứt, thanh lý hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp và giải quyết quyền lợi của người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

c) Hoàn thành các nghĩa vụ theo quyết định xử lý vi phạm trong hoạt động bán hàng đa cấp của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

3. Doanh nghiệp không phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trong trường hợp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp trên phạm vi toàn quốc.

Điều 25. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

1. Trường hợp tự chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 12 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp qua Công Dịch vụ công Quốc gia).

2. Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp do xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương bị thu hồi, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương bị thu hồi.

3. Trường hợp doanh nghiệp tự chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương, công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thông báo cho Bộ Công Thương theo một trong các phương thức quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định này.

Điều 26. Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp chỉ được phép tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đã được cấp xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.

2. Trường hợp hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp có sự tham dự của từ 50 người trở lên hoặc có sự tham dự của từ 20 người tham gia bán hàng đa cấp trở lên mà không phải là cuộc họp hoặc sự kiện nội bộ, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi thực hiện.

Trường hợp hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp chỉ tổ chức theo hình thức trực tuyến, doanh nghiệp thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có hiện diện của người tổ chức hoặc người chủ trì hội nghị, hội thảo, đào tạo đó.

3. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình thực hiện trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp của doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 27. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp

1. Hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp bao gồm:

a) Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các nội dung chi tiết, tài liệu trình bày tại hội thảo, số lượng người tham gia dự kiến;

c) Danh sách báo cáo viên tại hội nghị, hội thảo, đào tạo kèm theo hợp đồng ủy quyền của doanh nghiệp, trong đó quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm, nội dung báo cáo của báo cáo viên;

d) 01 văn bản ủy quyền trong trường hợp doanh nghiệp ủy quyền cho cá nhân thực hiện đào tạo hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo;

đ) Thông tin tài khoản hoặc đường dẫn truy cập vào hội nghị, hội thảo, đào tạo trong trường hợp tổ chức theo hình thức trực tuyến.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có thể thông báo về việc tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp trong cùng một văn bản thông báo nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ thông báo.

3. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp nộp hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ít nhất 15 ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện.

Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ chối tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đúng thẩm quyền giải quyết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập phiếu tiếp nhận hồ sơ.

4. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản để doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung. Doanh nghiệp có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung hồ sơ tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo.

Việc thông báo sửa đổi, bổ sung và nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung có thể được thực hiện nhiều lần theo thời hạn nêu trên. Doanh nghiệp có thể điều chỉnh thời gian tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo trong hồ sơ sửa đổi, bổ sung để đảm bảo phù hợp với thời hạn giải quyết hồ sơ.

5. Doanh nghiệp được phép tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo như kế hoạch trong hồ sơ thông báo nếu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận được thông báo lần đầu hoặc 03 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ bổ sung mà không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

6. Trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản 5 Điều này, khi chưa đến thời gian tổ chức dự kiến mà doanh nghiệp muốn thay đổi thông tin trong hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày dự kiến thực hiện.

7. Trường hợp đã thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhưng không thực hiện, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày dự kiến tổ chức trong hồ sơ thông báo.

Chương IV

QUẢN LÝ NGƯỜI THAM GIA BÁN HÀNG ĐA CẤP

Điều 28. Điều kiện đối với người tham gia bán hàng đa cấp

1. Người tham gia bán hàng đa cấp là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật và cư trú tại Việt Nam.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp không ký hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với những người thuộc các trường hợp sau:

a) Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc có tiền án về các tội sản xuất, buôn bán hàng giả, sản xuất, buôn bán hàng cấm, quảng cáo gian dối, lừa dối khách hàng, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chiếm giữ trái phép tài sản, tội vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp;